

QUYẾT ĐỊNH

V/v Công nhận danh sách sinh viên được nhận học bổng
khuyến khích học tập, học kỳ 3 năm học 2016-2017

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUỐC TẾ

Căn cứ Quyết định số 260/2003/QĐ-TTg ngày 05 tháng 12 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Quốc tế thuộc Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 190/QĐ-ĐHQG/TCCB ngày 16 tháng 04 năm 2004 của Giám đốc Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động của trường Đại học Quốc tế;

Căn cứ tiêu chí số 100/ĐHQT-ĐT ngày 31 tháng 01 năm 2012 về việc xét học bổng khuyến khích học tập từ khóa 2011;

Căn cứ tờ trình số 37 / ĐHQT-ĐTĐH ngày 06/ 04/ 2018 về việc xem xét học bổng tuyển sinh và học bổng khuyến khích học tập học kỳ 3 năm học 2016-2017;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Đào tạo Đại học;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận kết quả xét học bổng khuyến khích học tập học kỳ 3, năm học 2016-2017 đối với 82 sinh viên (theo danh sách đính kèm).

Điều 2. Mức học bổng cụ thể của từng sinh viên được thể hiện trong danh sách đính kèm.

Điều 3. Các Ông/ Bà Trưởng Phòng chức năng, Trưởng Khoa/ Bộ môn liên quan và các sinh viên có tên chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu VT, ĐT.

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
QUỐC TẾ

Hồ Thanh Phong

LIST OF ENCOURAGEMENT SCHOLARSHIP AND UNIVERSITY NATIONAL EXAMINATION SCHOLARSHIP

Academic year: 16-17 - Semester 3

Page 1

No.	Student ID	Full name	Credits	GPA	DXHB	Value(1)	Value(2)	Different value
1	BABAUH16001	TRẦN NHƯ THẢO	10	86.30	81.99	300.00	290.00	10.00
2	BAFNU14061	VŨ XUÂN HUY	9	87.70	81.12	300.00	261.00	39.00
3	BAFNU14198	PHAN TỬ NHƯ Ý	9	85.30	78.90	300.00	261.00	39.00
4	BTBTU15065	NGÔ KIM NGÂN	9	73.90	68.36	300.00	189.00	111.00
5	EEACU16003	PHAN ĐÌNH KHANG	8	88.00	79.20	300.00	215.00	85.00
6	IELSTU16006	DIỆP GIA TƯỜNG	9	84.00	77.70	300.00	115.50	184.50
7	ITTTU16006	NGUYỄN VŨ DUY	8	86.50	77.85	300.00	160.00	140.00
8	ITTTU16011	ĐOÀN TRỌNG NHẬN	8	81.50	73.35	300.00	160.00	140.00
Total						2,400.00	1,651.50	748.50

Notes:

DXHB= GPA*(0.7+0.3*(credits/24))

Value(1): Encouragement scholarship value

Value(2): University national scholarship value

Different value = Value(1) - Value(2)

02 January 2018

ENCOURAGEMENT SCHOLARSHIP LIST

Academic year 16-17 - Semester 3

Business
Business Administration
Batch 20141

Page 1

No.	Student ID	Full name	Class	GPA	Credits	DXHB	Value
1	BABAIU14394	TÔ THỊ CHÂU KHANG	BABA14IU12	81.20	11	79.17	300
2	BABAIU14176	VƯƠNG THẢO NGUYỄN	BABA14BM	92.50	6	78.63	300
3	BAFNIU14205	ĐẶNG PHI PHÔN	BABA14IU21	83.30	9	77.05	300
4	BABAIU14244	NGÔ LIÊN THẢO	BABA14IB	90.50	6	76.93	300
5	BABAIU14145	NGUYỄN THỊ HOÀNG MAI	BABA14IB	90.00	6	76.50	300
6	BABAIU14185	NGUYỄN QUỲNH YẾN NHI	BABA14IB	78.20	11	76.25	300
7	BABAIU14383	NGUYỄN NGỌC QUỲNH	BABA14BM	81.70	9	75.57	300

Notes:

$$DXHB = GPA * (0.7 + 0.3 * (\text{credits}/24))$$

02 January 2018

ENCOURAGEMENT SCHOLARSHIP LIST

Academic year 16-17 - Semester 3

Business
Finance and Banking
Batch 20141

Page 1

No.	Student ID	Full name	Class	GPA	Credits	DXHB	Value
1	BAFNIU14045	BÙI THANH HẰNG	BAFN14CF1	95.00	6	80.75	300
2	BAFNIU14105	VĂN NGỌC THANH PHONG	BAFN14CF1	89.00	6	75.65	300

Notes:

02 January 2018

$$DXHB = GPA * (0.7 + 0.3 * (\text{credits}/24))$$

ENCOURAGEMENT SCHOLARSHIP LIST

Academic year 16-17 - Semester 3

Business

Business Administration

Batch 20151

Page 1

No.	Student ID	Full name	Class	GPA	Credits	DXHB	Value
1	BABAIU15220	TRẦN MINH NGỌC	BABA15IU32	84.30	12	84.30	300
2	BABAIU15076	LÊ THỊ THIÊN THANH	BABA15BM	89.30	9	82.60	300
3	BABAIU15122	NGUYỄN KHỔNG THẢO ANH	BABA15BM	82.00	12	82.00	300
4	BABAIU15074	LÊ THỊ ANH THỨ	BABA15IB	94.00	6	79.90	300
5	BABAIU15260	VÕ KIỀU OANH	BABA15IU12	83.90	10	79.71	300
6	BABAIU15172	NGUYỄN TRẦN DIỆU ĐĂNG	BABA15IB	87.10	8	78.39	300
7	BABAIU15179	PHẠM ĐĂNG QUANG	BABA15BM	83.70	9	77.42	300

Notes:

$$DXHB = GPA * (0.7 + 0.3 * (\text{credits}/24))$$

02 January 2018

ENCOURAGEMENT SCHOLARSHIP LIST

Academic year 16-17 - Semester 3

Business
Finance and Banking
Batch 20151

Page 1

No.	Student ID	Full name	Class	GPA	Credits	DXHB	Value
1	BAFNIU15158	TRẦN THỊ DINH	BAFN15IU12	86.00	9	79.55	300
2	BAFNIU15107	NGUYỄN THỊ THANH	BAFN15IU12	82.80	8	74.52	300

Notes:

$$DXHB = GPA * (0.7 + 0.3 * (credits/24))$$

02 January 2018

ENCOURAGEMENT SCHOLARSHIP LIST

Academic year 16-17 - Semester 3

Business

Business Administration

Batch 20161

Page 1

No.	Student ID	Full name	Class	GPA	Credits	DXHB	Value
1	BABAIU16096	NGUYỄN THỊ THANH NHẠN	BABA16IU21	84.90	12	84.90	300
2	BABAWE16292	TẶNG NGỌC KHÁNH LINH	BABA164WE21	88.70	10	84.27	300
3	BABAIU16150	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG CHUNG	BABA16IU21	83.80	12	83.80	300
4	BABANS16046	BÙI LÊ HUỠNH NHỰ	BABA16NS11	96.50	6	82.03	300
5	BABAIU16140	NGUYỄN PHƯƠNG VY	BABA16IU21	80.80	12	80.80	300
6	BABAIU16167	UNG ĐOÀN THÙY LINH	BABA16IU21	80.30	12	80.30	300
7	BABAIU16204	PHẠM NGỌC PHƯƠNG QUYÊN	BABA16IU21	80.30	12	80.30	300

Notes:

$$DXHB = GPA * (0.7 + 0.3 * (credits/24))$$

02 January 2018

ENCOURAGEMENT SCHOLARSHIP LIST

Academic year 16-17 - Semester 3

Business
Finance and Banking
Batch 20161

Page 1

No.	Student ID	Full name	Class	GPA	Credits	DXHB	Value
1	BAFNIU16061	NGUYỄN THỊ THU NGÂN	BAFN16IU21	81.90	11	79.85	300
2	BAFNIU16024	ĐẶNG DIỆP TÙNG	BAFN16IU21	81.60	11	79.56	300

Notes:

$$DXHB = GPA * (0.7 + 0.3 * (\text{credits}/24))$$

02 January 2018

ENCOURAGEMENT SCHOLARSHIP LIST

Academic year 16-17 - Semester 3

Biomedical Engineering
Biomedical Engineering
Batch 20141

Page 1

No.	Student ID	Full name	Class	GPA	Credits	DXHB	Value
1	BEBEIU14117	ĐOÀN KHÁNH VINH	BEBE14IU11	94.00	6	79.90	300

Notes:

$$DXHB = GPA * (0.7 + 0.3 * (credits/24))$$

02 January 2018

ENCOURAGEMENT SCHOLARSHIP LIST

Academic year 16-17 - Semester 3

Biomedical Engineering
Biomedical Engineering
Batch 20151

Page 1

No.	Student ID	Full name	Class	GPA	Credits	DXHB	Value
1	BEBEIU15069	VÕ THỊ PHƯƠNG TRINH	BEBE15IU11	83.20	9	76.96	300

Notes:

$$DXHB = GPA * (0.7 + 0.3 * (credits/24))$$

02 January 2018

ENCOURAGEMENT SCHOLARSHIP LIST

Academic year 16-17 - Semester 3

Biomedical Engineering
Biomedical Engineering
Batch 20161

Page 1

No.	Student ID	Full name	Class	GPA	Credits	DXHB	Value
1	BEBEIU16032	DƯƠNG HOÀNG LAN ANH	BEBE16IU11	85.60	11	83.46	300
2	BEBEIU16083	NGUYỄN CHÂU NGỌC MAI	BEBE16IU11	85.30	11	83.17	300

Notes:

$$DXHB = GPA * (0.7 + 0.3 * (credits/24))$$

02 January 2018

ENCOURAGEMENT SCHOLARSHIP LIST

Academic year 16-17 - Semester 3

Bio-Technology
Aquatic Resources Management
Batch 20141

Page 1

No.	Student ID	Full name	Class	GPA	Credits	DXHB	Value
1	BTARIU14061	NGÔ KHÁNH DUY	BTAR14IU11	79.50	8	71.55	300

Notes:

$$DXHB = GPA * (0.7 + 0.3 * (credits/24))$$

02 January 2018

ENCOURAGEMENT SCHOLARSHIP LIST

Academic year 16-17 - Semester 3

Bio-Technology
Chemistry
Batch 20141

Page 1

No.	Student ID	Full name	Class	GPA	Credits	DXHB	Value
1	BTBCIU14025	TRẦN TỔNG KHÁNH LINH	BTBC14IU11	84.70	9	78.35	300

Notes:

$$DXHB = GPA * (0.7 + 0.3 * (credits/24))$$

02 January 2018

ENCOURAGEMENT SCHOLARSHIP LIST

Academic year 16-17 - Semester 3

Bio-Technology
Biotechnology
Batch 20141

Page 1

No.	Student ID	Full name	Class	GPA	Credits	DXHB	Value
1	BTBTIU14230	NGÔ THỊ THANH THÚY	BTBT14IU12	81.60	12	71.40	300
2	BTBTIU14153	NGUYỄN THỊ KHÁNH NGUYỄN	BTBT14IU12	74.40	9	68.82	300
3	BTBTIU14215	TRẦN HUỠNH THÀNH	BTBT14IU11	75.40	8	67.86	300

Notes:

$$DXHB = GPA * (0.7 + 0.3 * (credits/24))$$

02 January 2018

ENCOURAGEMENT SCHOLARSHIP LIST

Academic year 16-17 - Semester 3

Bio-Technology
Food Technology
Batch 20141

Page 1

No.	Student ID	Full name	Class	GPA	Credits	DXHB	Value
1	BTFTIU14132	PHẠM GIA HUY	BTFT14IU22	83.50	6	70.98	300

Notes:

$$DXHB = GPA * (0.7 + 0.3 * (credits/24))$$

02 January 2018

ENCOURAGEMENT SCHOLARSHIP LIST

Academic year 16-17 - Semester 3

Bio-Technology
Aquatic Resources Management
Batch 20151

Page 1

No.	Student ID	Full name	Class	GPA	Credits	DXHB	Value
1	BTARIU15020	PHẠM HỒNG ANH	BTAR15IU11	73.60	11	71.76	300

Notes:

$$DXHB = GPA * (0.7 + 0.3 * (credits/24))$$

02 January 2018

ENCOURAGEMENT SCHOLARSHIP LIST

Academic year 16-17 - Semester 3

Bio-Technology

Chemistry

Batch 20151

Page 1

No.	Student ID	Full name	Class	GPA	Credits	DXHB	Value
1	BTBCIU15033	NGUYỄN QUỲNH NHƯ	BTBC15IU21	74.50	6	63.33	300

Notes:

$$DXHB = GPA * (0.7 + 0.3 * (credits / 24))$$

02 January 2018

ENCOURAGEMENT SCHOLARSHIP LIST

Academic year 16-17 - Semester 3

Bio-Technology
Biotechnology
Batch 20151

Page 1

No.	Student ID	Full name	Class	GPA	Credits	DXHB	Value
1	BTBTIU15075	NGUYỄN HẢI LINH	BTBT15IU11	76.50	8	68.85	300
2	BTBTIU15091	NGUYỄN NGỌC MINH THỨ	BTBT15IU11	77.70	7	67.99	300

Notes:

$$DXHB = GPA * (0.7 + 0.3 * (\text{credits} / 24))$$

02 January 2018

ENCOURAGEMENT SCHOLARSHIP LIST

Academic year 16-17 - Semester 3

Bio-Technology
Food Technology
Batch 20151

Page 1

No.	Student ID	Full name	Class	GPA	Credits	DXHB	Value
1	BTFTIU15019	LÂM TƯỜNG VY	BTFT15IU11	77.60	7	67.90	300

Notes:

$$DXHB = GPA * (0.7 + 0.3 * (credits/24))$$

02 January 2018

ENCOURAGEMENT SCHOLARSHIP LIST

Academic year 16-17 - Semester 3

Bio-Technology
Aquatic Resources Management
Batch 20161

Page 1

No.	Student ID	Full name	Class	GPA	Credits	DXHB	Value
1	BTARIU16052	NGUYỄN HOÀNG THIÊN THANH	BTAR16IU21	77.10	11	75.17	300

Notes:

$$DXHB = GPA * (0.7 + 0.3 * (credits/24))$$

02 January 2018

ENCOURAGEMENT SCHOLARSHIP LIST

Academic year 16-17 - Semester 3

Bio-Technology
Chemistry
Batch 20161

Page 1

No.	Student ID	Full name	Class	GPA	Credits	DXHB	Value
1	BTBCIU16044	HOÀNG LIẾN HƯƠNG	BTBC16IU31	90.10	8	81.09	300

Notes:

$$DXHB = GPA * (0.7 + 0.3 * (credits/24))$$

02 January 2018

ENCOURAGEMENT SCHOLARSHIP LIST

Academic year 16-17 - Semester 3

Bio-Technology
Biotechnology
Batch 20161

Page 1

No.	Student ID	Full name	Class	GPA	Credits	DXHB	Value
1	BTBTIU16168	HOÀNG THỊ HỒNG HẠNH	BTBT16IU21	80.00	10	76.00	300
2	BTBTIU16091	TRẦN HOÀNG GIA LINH	BTBT16IU31	82.00	8	73.80	300

Notes:

$$DXHB = GPA * (0.7 + 0.3 * (credits/24))$$

02 January 2018

ENCOURAGEMENT SCHOLARSHIP LIST

Academic year 16-17 - Semester 3

Bio-Technology
Food Technology
Batch 20161

Page 1

No.	Student ID	Full name	Class	GPA	Credits	DXHB	Value
1	BTFTIU16065	HUỶNH HƯƠNG GIANG	BTFT16IU21	76.30	8	68.67	300

Notes:

$$DXHB = GPA * (0.7 + 0.3 * (\text{credits}/24))$$

02 January 2018

ENCOURAGEMENT SCHOLARSHIP LIST

Academic year 16-17 - Semester 3

Civil Engineering
Civil Engineering
Batch 20141

Page 1

No.	Student ID	Full name	Class	GPA	Credits	DXHB	Value
1	CECEIU14008	NGUYỄN TRẦN THƯỜNG ĐỨC	CECE14IU11	82.60	9	76.41	300

Notes:

$$DXHB = GPA * (0.7 + 0.3 * (credits/24))$$

02 January 2018

ENCOURAGEMENT SCHOLARSHIP LIST

Academic year 16-17 - Semester 3

Civil Engineering
Civil Engineering
Batch 20151

Page 1

No.	Student ID	Full name	Class	GPA	Credits	DXHB	Value
1	CECEIU15001	CAO LÊ PHƯƠNG LINH	CECE15IU11	77.40	12	77.40	300

Notes:

$$DXHB = GPA * (0.7 + 0.3 * (credits/24))$$

02 January 2018

ENCOURAGEMENT SCHOLARSHIP LIST

Academic year 16-17 - Semester 3

Civil Engineering
Civil Engineering
Batch 20161

Page 1

No.	Student ID	Full name	Class	GPA	Credits	DXHB	Value
1	CECEIU16035	VŨ TIẾN ĐÌNH	CECE16IU11	71.80	9	66.42	300

Notes:

$$DXHB = GPA * (0.7 + 0.3 * (credits/24))$$

02 January 2018

ENCOURAGEMENT SCHOLARSHIP LIST

Academic year 16-17 - Semester 3

Electrical Engineering
Control Engineering and Automation
Batch 20141

Page 1

No.	Student ID	Full name	Class	GPA	Credits	DXHB	Value
1	EEACIU14002	LỮU THIÊN CHÍNH	EEAC14IU11	83.40	7	72.98	300

02 January 2018

Notes:

$$DXHB = GPA * (0.7 + 0.3 * (credits/24))$$

ENCOURAGEMENT SCHOLARSHIP LIST

Academic year 16-17 - Semester 3

Electrical Engineering
Electrical Engineering
Batch 20141

Page 1

No.	Student ID	Full name	Class	GPA	Credits	DXHB	Value
1	EEEEIU14078	LÂM QUỲNH NHƯ	EEEE14IU11	79.90	8	71.91	300

Notes:

$$DXHB = GPA * (0.7 + 0.3 * (\text{credits} / 24))$$

02 January 2018

ENCOURAGEMENT SCHOLARSHIP LIST

Academic year 16-17 - Semester 3

Electrical Engineering
Control Engineering and Automation
Batch 20151

Page 1

No.	Student ID	Full name	Class	GPA	Credits	DXHB	Value
1	EEACIU15044	VÕ THÀNH NHON	EEAC15IU11	71.30	7	62.39	300

Notes:

$$DXHB = GPA * (0.7 + 0.3 * (credits/24))$$

02 January 2018

ENCOURAGEMENT SCHOLARSHIP LIST

Academic year 16-17 - Semester 3

Electrical Engineering
Electrical Engineering
Batch 20151

Page 1

No.	Student ID	Full name		Class	GPA	Credits	DXHB	Value
1	EEEEIU15023	LÊ TRƯỜNG HOÀNG	ĐẠT	EEEE15IU11	75.80	9	70.12	300

Notes:

$$DXHB = GPA * (0.7 + 0.3 * (\text{credits} / 24))$$

02 January 2018

ENCOURAGEMENT SCHOLARSHIP LIST

Academic year 16-17 - Semester 3

Electrical Engineering
Control Engineering and Automation
Batch 20161

Page 1

No.	Student ID	Full name	Class	GPA	Credits	DXHB	Value
1	EEACIU16056	HUỖNH HƯNG PHÁT	EEAC16IU21	84.00	8	75.60	300

Notes:

$$DXHB = GPA * (0.7 + 0.3 * (credits/24))$$

02 January 2018

ENCOURAGEMENT SCHOLARSHIP LIST

Academic year 16-17 - Semester 3

Electrical Engineering
Electrical Engineering
Batch 20161

Page 1

No.	Student ID	Full name	Class	GPA	Credits	DXHB	Value
1	EEEEIU16065	LÝ VĂN LỘC	EEEE16IU11	78.80	10	74.86	300

Notes:

$$DXHB = GPA * (0.7 + 0.3 * (credits/24))$$

02 January 2018

ENCOURAGEMENT SCHOLARSHIP LIST

Academic year 16-17 - Semester 3

Industrial & Systems Engineering
Industrial and Systems Engineering
Batch 20141

Page 1

No.	Student ID	Full name	Class	GPA	Credits	DXHB	Value
1	IEIEIU14002	LÊ MINH BẢO	IEIE14IU11	73.00	6	62.05	300

Notes:

$$DXHB = GPA * (0.7 + 0.3 * (credits/24))$$

02 January 2018

ENCOURAGEMENT SCHOLARSHIP LIST

Academic year 16-17 - Semester 3

Industrial & Systems Engineering
Logistics & Supply Chain Management
Batch 20141

Page 1

No.	Student ID	Full name	Class	GPA	Credits	DXHB	Value
1	IELSIU14111	DƯƠNG VĂN MỸ LINH	IELS14IU32	96.00	7	74.40	300
2	IELSIU14063	PHẠM NGÔ THỊ PHƯỢNG	IELS14IU12	75.50	6	64.18	300

Notes:

$$DXHB = GPA * (0.7 + 0.3 * (credits/24))$$

02 January 2018

ENCOURAGEMENT SCHOLARSHIP LIST

Academic year 16-17 - Semester 3

Industrial & Systems Engineering
Industrial and Systems Engineering
Batch 20151

Page 1

No.	Student ID	Full name	Class	GPA	Credits	DXHB	Value
1	IEIEIU15044	PHAM NGOC QUANG	IEIE15IU21	86.70	10	82.37	300

02 January 2018

Notes:

$$DXHB = GPA * (0.7 + 0.3 * (credits/24))$$

ENCOURAGEMENT SCHOLARSHIP LIST

Academic year 16-17 - Semester 3

Industrial & Systems Engineering
Logistics & Supply Chain Management
Batch 20151

Page 1

No.	Student ID	Full name	Class	GPA	Credits	DXHB	Value
1	IELSIU15077	NGUYỄN THÙY TRANG	IELS15IU21	90.30	7	79.01	300
2	IELSIU15096	TỔNG CHÍ THÔNG	IELS15IU21	90.10	7	78.84	300

Notes:

$$DXHB = GPA * (0.7 + 0.3 * (\text{credits} / 24))$$

02 January 2018

ENCOURAGEMENT SCHOLARSHIP LIST

Academic year 16-17 - Semester 3

Industrial & Systems Engineering
Industrial and Systems Engineering
Batch 20161

Page 1

No.	Student ID	Full name	Class	GPA	Credits	DXHB	Value
1	IEIEIU16068	LÊ THỰC ĐAN TRINH	IEIE16IU11	78.50	11	76.54	300
2	IEIEIU16005	CHÂU TUẤN CƯỜNG	IEIE16IU11	73.90	11	72.05	300

Notes:

$$DXHB = GPA * (0.7 + 0.3 * (credits/24))$$

02 January 2018

ENCOURAGEMENT SCHOLARSHIP LIST

Academic year 16-17 - Semester 3

Industrial & Systems Engineering
Logistics & Supply Chain Management
Batch 20161

Page 1

No.	Student ID	Full name	Class	GPA	Credits	DXHB	Value
1	IELSIU16033	HUỶNH THỊ MỸ NGỌC	IELS16IU11	86.40	9	79.92	300
2	IELSIU16096	NGUYỄN LÊ PHƯƠNG THẢO	IELS16IU21	83.30	9	77.05	300

Notes:

$$DXHB = GPA * (0.7 + 0.3 * (\text{credits} / 24))$$

02 January 2018

ENCOURAGEMENT SCHOLARSHIP LIST

Academic year 16-17 - Semester 3

Computer Science & Engineering
Information Technology
Batch 20141

Page 1

No.	Student ID	Full name	Class	GPA	Credits	DXHB	Value
1	ITITIU14095	THÁI TRUNG TÍN	ITIT14IU11	91.10	9	84.27	300
2	ITITIU14038	NGUYỄN LƯƠNG HUY	ITIT14IU31	95.10	7	83.21	300

Notes:

$$DXHB = GPA * (0.7 + 0.3 * (credits/24))$$

02 January 2018

ENCOURAGEMENT SCHOLARSHIP LIST

Academic year 16-17 - Semester 3

Computer Science & Engineering
Information Technology
Batch 20151

Page 1

No.	Student ID	Full name	Class	GPA	Credits	DXHB	Value
1	ITITIU15070	PHAM SON HAI	ITIT15CS1	94.00	8	84.60	300

Notes:

$$DXHB = GPA * (0.7 + 0.3 * (credits/24))$$

02 January 2018

ENCOURAGEMENT SCHOLARSHIP LIST

Academic year 16-17 - Semester 3

Computer Science & Engineering
Information Technology
Batch 20161

Page 1

No.	Student ID	Full name	Class	GPA	Credits	DXHB	Value
1	ITITIU16136	ĐOÀN TẤN TRUNG	ITIT16CS1	82.50	8	74.25	300
2	ITITIU16144	NGUYỄN THANH XUÂN TÙNG	ITIT16CS1	79.80	8	71.82	300

Notes:

$$DXHB = GPA * (0.7 + 0.3 * (credits/24))$$

02 January 2018

ENCOURAGEMENT SCHOLARSHIP LIST

Academic year 16-17 - Semester 3

Mathematics

Financial Engineering & Risk Management

Batch 20141

Page 1

No.	Student ID	Full name	Class	GPA	Credits	DXHB	Value
1	MAMAIU14032	MAI NGUYỄN ANH THÚ	MAMA14IU21	92.30	9	85.38	300

Notes:

$$DXHB = GPA * (0.7 + 0.3 * (credits/24))$$

02 January 2018

ENCOURAGEMENT SCHOLARSHIP LIST
Academic year 16-17 - Semester 3

Mathematics
Financial Engineering & Risk Management
Batch 20151

Page 1

No.	Student ID	Full name	Class	GPA	Credits	DXHB	Value
1	MAMAIU15036	THÁI ĐỔ PHƯƠNG LOAN	MAMA15IU21	92.10	8	82.89	300

02 January 2018

Notes:

$$DXHB = GPA * (0.7 + 0.3 * (credits/24))$$

ENCOURAGEMENT SCHOLARSHIP LIST

Academic year 16-17 - Semester 3

Mathematics

Financial Engineering & Risk Management

Batch 20161

Page 1

No.	Student ID	Full name	Class	GPA	Credits	DXHB	Value
1	MAMAIU16036	NGUYỄN THANH KHANG	MAMA16IU11	74.70	9	69.10	300

Notes:

$$DXHB = GPA * (0.7 + 0.3 * (credits/24))$$

02 January 2018